

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần 482

Năm 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần 482 (Joint - Stock Company No 482)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900324346
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 155 Trường Chinh - TP Vinh - Nghệ An.
- Số điện thoại: 038.3853200
- Số fax: 038.3854701
- Website: <http://www.Congty482.com.vn>
- Mã cổ phiếu: B82

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Năm thành lập: 1983
- Thời điểm niêm yết: Ngày 07/03/2008
- Các mốc sự kiện quan trọng:
 - Công ty cổ phần 482 tiền thân vốn là Xí nghiệp Đường sắt 769 có nhiệm vụ đảm bảo giao thông (đường sắt và đường bộ) vùng khu bốn cũ trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra Miền Bắc. Đến năm 1983 công ty được thành lập lấy tên là Xí nghiệp Đường sắt 482 trực thuộc Liên hiệp xí nghiệp Giao thông 4.
 - Năm 1992, Xí nghiệp Đường sắt 482 chuyển đổi thành Công ty Công trình giao thông 482 – Tổng công ty xây dựng Công trình giao thông miền Trung (Nay là Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4).
 - Ngày 29/4/2004, Bộ giao thông vận tải ra quyết định số 1226/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty công trình giao thông 482 thành Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4. Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16/12/2004 với số vốn điều lệ là 8 tỷ đồng, trong đó, Nhà nước nắm giữ 51%, cán bộ công nhân viên và cổ đông bên ngoài nắm 49%.
 - Ngày 06/4/2007, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 quyết định phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng.
 - Ngày 08/12/2007, Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 tổ chức Đại hội cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông quyết định đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần 482 cho phù hợp với ngành nghề kinh doanh mới của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 16/12/2004, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/12/2007. Đại hội đồng cổ đông cũng quyết định niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
 - Ngày 07/03/2008, Công ty cổ phần 482 được Trung tâm giao dịch chứng khoán chấp thuận niêm yết cổ phiếu.
 - Ngày 17/03/2008, Công ty cổ phần 482 chính thức giao dịch 1,5 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp) trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là B82.

▪ Ngày 23/02/2010, Công ty cổ phần 482 được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 517/UBCK – GCN, chấp thuận kế hoạch chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng. Ngày 13/08/2010, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

▪ Ngày 26/08/2010, Công ty cổ phần 482 chính thức giao dịch 1,5 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp) niêm yết bổ sung trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổng số lượng cổ phiếu niêm yết là 3.000.000 cổ phiếu.

▪ Ngày 03/12/2015, Công ty cổ phần 482 được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 99/UBCK – GCN, chấp thuận kế hoạch chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng (phát hành thêm 3.000.000 cổ phiếu). Tuy nhiên, do tình hình thị trường chứng khoán chưa thuận lợi nên tổng số cổ phần phát hành thành công là: 2.000.000 cổ phần. Như vậy vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành là: 50 tỷ đồng.

▪ Ngày 25/3/2016, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do đăng ký bổ sung 2.000.000 cổ phiếu. Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty cổ phần 482: 5.000.000 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

• Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện, viễn thông;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

- *Địa bàn kinh doanh:*

Với đặc thù là đơn vị thi công các công trình giao thông nên Công ty CP 482 có địa bàn kinh doanh rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty: Bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (đứng đầu là Giám đốc, các Phó Giám đốc và các Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh).

- Cơ cấu tổ chức của công ty:

- Các phòng ban chuyên môn:

1. Phòng Nhân Chính
2. Phòng Tài chính – Kế toán
3. Phòng Kinh Doanh
4. Phòng Kỹ Thuật Chất lượng
5. Phòng Vật tư
6. Phòng Thiết bị
7. Ban ATLĐ & Dân quân tự vệ

- Các đơn vị thành viên:

1. Trung tâm tư vấn thiết kế và kiểm định xây dựng
2. Xí nghiệp cầu
3. Xưởng Sửa chữa

- Các Đội sản xuất :

1. Đội CT 9
2. Đội 406
3. Đội 408
4. Công trường 405 (CT 405)
5. Công trường 407 (CT 407)
6. Công trường 15 (CT 15)
7. Công trường 16 (CT 16)
8. Trạm BTN 120T

- Công ty con: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 482.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu:

+ Tăng cường năng lực thiết bị, công nghệ thi công, tích cực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

+ Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để bảo đảm chất lượng, số lượng với trình độ học vấn, tay nghề, có năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ mới.

+ Đầu tư một cách hiệu quả vào các lĩnh vực tài chính.

+ Hoàn thành các mục tiêu về tiến độ thi công các dự án đã trúng thầu và các dự án đầu tư.

+ Có các bước đi thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để nâng vốn điều lệ, mở rộng qui mô hoạt động kinh doanh.

+ Bảo đảm an toàn lao động nâng cao đời sống vật chất, đời sống văn hoá tinh thần cho người lao động.

+ Xây dựng Cổ phần 482 thành Công ty phát triển, đảm bảo kinh doanh hiệu quả. Lấy ngành nghề xây lắp cầu đường làm chủ đạo. Không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động, công ty có đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài khẳng định thương hiệu mã chứng khoán B82.

+ Khai thác tiềm năng của thị trường chứng khoán. Huy động vốn cho SXKD phù hợp với từng thời điểm bằng việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi tăng vốn điều lệ đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

+ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và đối với người lao động.

+ Đầu tư thiết bị phù hợp điều kiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh từng năm, từng thời kỳ. Khuyến khích CBCNV cùng tham gia góp vốn đầu tư mua sắm thiết bị, tạo sự chủ động cho đơn vị, giảm áp lực vốn vay cho công ty.

+ Hằng năm tùy vào điều kiện cụ thể HĐQT đề ra các sách lược và kế hoạch phù hợp đảm bảo sự phát triển bền vững.

6. Các rủi ro

Trong tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu như hiện nay, Công ty đối mặt với rất nhiều thách thức và rủi ro từ:

- Chính sách tín dụng luôn thay đổi ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của Công ty.
- Do xây dựng các công trình có thời gian bảo hành dài, đối với các hợp đồng không điều chỉnh giá thì giá nguyên vật liệu thay đổi ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Chính sách pháp luật thay đổi ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015	THỰC HIỆN 2015
1	Doanh thu	Tỷ đồng	≥ 650	446,0
2	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	Tỷ đồng	≥ 9,5	1,04
3	Lợi nhuận thực hiện (sau thuế)	Tỷ đồng	≥ 7,0	0,62
4	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/vốn CSH	Tỷ đồng	≥ 15,7	1,51
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/vốn Điều lệ	%	≥ 23,3	2,07
6	Nộp Ngân sách	%	Đầy đủ	7,198
7	Đầu tư tài sản mua sắm thiết bị	Tỷ đồng	≥ 30	16,35
8	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	≥ 1	=1
9	Trả cổ tức năm 2015 (dự kiến)	Tỷ đồng	≥ 12	0

2. Tổ chức và nhân sự hiện nay:

- Danh sách Ban giám đốc:

* Ông: **Trần Văn Long** – UV HĐQT, Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 300.000 cổ phần, chiếm 6,0% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 300.000 cổ phần

Người có liên quan:

+ Vợ: **Nguyễn Thị Lương**

+ Số cổ phần nắm giữ: 1.458 cổ phần

* Ông: **Cao Hoài Thanh** - Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 61.265 cổ phần, chiếm 1,23% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 61.265 cổ phần

Người có liên quan:

+ Vợ: **Trần Thị Thảo**

+ Số cổ phần nắm giữ: 720 cổ phần

* Ông: **Đặng Văn Khoa** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 91.000 cổ phần, chiếm 1,82% vốn điều lệ

- Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 91.000 cổ phần

- Người có liên quan:

+ Vợ: Phạm Thị Huyền Thương

+ Số cổ phần đang nắm giữ: 1.000 cổ phần

* Ông: **Hoàng Quyết Chiến** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 683.162 cổ phần, chiếm 13,66% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 683.162 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ban giám đốc gồm 04 thành viên gồm: Ông Trần Văn Long - Giám đốc công ty; 03 phó giám đốc gồm: Ông Cao Hoài Thanh, Ông Đặng Văn Khoa, ông Hoàng Quyết Chiến (bỏ nhiệm ngày 01/01/2015).

+ Cuối tháng 10/2015, Ông Lê Hòa Nguyễn xin thôi giữ chức Giám đốc, HĐQT đã tiếp nhận và bỏ nhiệm ông Trần Văn Long giữ chức Giám đốc công ty (Nghị quyết số 114/NQ-HĐQT ngày 26/10/2015 của HĐQT Công ty cổ phần 482).

+ Trong năm HĐQT công ty đã bổ nhiệm mới bộ máy điều hành: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 01 Giám đốc xí nghiệp, 01 Trưởng ban, 01 Trưởng VP đại diện, 01 Xưởng trưởng, 02 Đội trưởng, 02 phó VP đại diện, 03 phó phòng, 02 Đội phó, 02 Chỉ huy trưởng, 02 Chỉ huy phó, 01 Xưởng phó.

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2015: 415 người. Thực hiện trả lương và các chế độ khác cho người lao động theo Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế quản lý nội bộ do Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Thực hiện Nghị quyết 11/CP của Chính phủ, năm 2014 Công ty CP 482 tiếp tục tạm thời dừng thực hiện các dự án đầu tư.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014 (Triệu đồng) (đã điều chỉnh)	Năm 2015 (Triệu đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	492.253	556.749	101,1%
Doanh thu thuần	719.321	446.001	-37,9%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.398	1.112	-79,4%
Lợi nhuận khác	-967	58	1,06%
Lợi nhuận trước thuế	4.431	1.171	-73,6%
Lợi nhuận sau thuế	3.284	621	-81,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	0%	-10%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,99	1
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,32	0,36
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số: Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,91	0,93
+ Hệ số: Nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	9,86	12,5
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,5	1,36
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1,46	0,80
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	0,50	0,14
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	7,40	1,51
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,70	0,11
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	0,80	0,25

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là: 5.000.000 CP phổ thông, 486.137 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ vào danh sách người sở hữu chứng khoán ngày đăng ký cuối cùng 08/04/2016 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán VN:

Danh mục	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn Điều lệ	5.000.000	50.000.000.000	100%
1. Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
2. Cổ đông đặc biệt	2.150.777	21.507.770.000	43,02%

- HĐQT và Ban Giám đốc	1.532.527	15.325.270.000	30,65%
- Ban kiểm soát	618.250	6.182.500.000	12,37%
3. Cổ đông nước ngoài	7.715	77.150.000	0,15%
- Cá nhân	235	2.350.000	0,005%
- Tổ chức	7.480	74.800.000	0,145%
4. Cổ đông khác	2.841.508	28.415.080.000	56,8%

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

d) Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015
Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	815,386	≥ 700	500,051
Doanh thu	Tỷ đồng	719,321	≥ 650	446,001
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,431	≥ 9,5	1,071
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	13,649	Đầy đủ	7,198
Đầu tư TS mua sắm thiết bị	Tỷ đồng	17,330	≥ 30	16,348
Thu khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	12,035	10 tỷ - 12 tỷ	12,797
Thu nhập người lao động	Đồng/ng/tháng	8.619.000	9.000.000	7.563.051

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Hoàn thành đúng tiến độ các công trình .

+ Đảm bảo hoạt động SXKD ổn định.

+ Đầu tư thiết bị đúng hướng và khai thác hiệu quả góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công trên các công trình.

+ Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008

+ Khối lượng công việc năm trước chuyển qua cơ bản đảm bảo đủ việc làm cho 2015. Ngoài ra Lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm đủ công việc cho năm 2016 và gởi đầu cho các năm tiếp theo.

+ Khắc phục khó khăn về tài chính, đáp ứng đủ vốn thi công và thanh toán lương tương đối kịp thời cho người lao động.

+ Nội bộ Công ty có sự đoàn kết thống nhất cao từ Ban giám đốc đến người lao động.

+ Các phòng ban nghiệp vụ thực hiện tương đối tốt chức năng nhiệm vụ của mình.

+ Thường xuyên phát động các chiến dịch thi đua sản xuất trên các công trường phù hợp với từng thời điểm, từng công trình.

2. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tăng giảm tài sản cố định

- Nguyên giá tài sản cố định trong năm : 149,681 tỷ

- Đã khấu hao : 91,156 tỷ

- Giá trị còn lại : 58,526 tỷ

- Tài sản cố định đầu tư trong kỳ : 16,348 tỷ

b/ Tình hình công nợ:

- Công nợ phải thu	: 166,081 tỷ
- Hàng tồn kho (Dờ dang + NVL tồn kho)	: 312,031 tỷ
- Công nợ phải trả	: 515,628 tỷ
<u>Trong đó:</u> + Vay và nợ ngắn hạn	: 141,806 tỷ
+ Vay và nợ dài hạn.	: 9,816 tỷ

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Công tác xây dựng phát triển thương hiệu

Là công ty liên kết công ty thực hiện có hiệu quả theo Quyết định số 2210/QĐ-TCT ngày 24/3/2011 của Tổng Công ty về việc “Xây dựng và phát triển thương hiệu Tổng Công ty”. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công trên các công trình trọng điểm đảm bảo ATLĐ & VSMT, có mỹ thuật, chất lượng cao, vượt tiến độ. Giáo dục cho CBCNV nêu cao ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng và bảo vệ thương hiệu của Công ty Cổ phần 482 nói riêng và Tổng Công ty nói chung. Xây dựng nếp sống văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV. Cải tạo, nâng cấp website của Công ty để quảng bá thương hiệu.

3.2. Công tác phát triển nguồn lực

- Tuyển dụng cán bộ chuyên ngành trình độ chuyên môn giỏi, có tâm, có chí hướng với nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, khuyến khích tinh thần tự học nâng cao trình độ.

- Đào tạo, đào tạo lại nâng cao tay nghề lực lượng lao động hiện có; tuyển dụng công nhân lành nghề, đặc biệt ưu tiên cho công nhân cầu đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong xu thế hội nhập, 100% công nhân kỹ thuật được đào tạo và nâng bậc thợ, được học an toàn lao động theo đúng kế hoạch.

- Thực hiện rà soát, tổ chức bố trí lại nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả công việc.

3.3. Công tác tìm kiếm việc làm

- Hết sức tranh thủ sự ủng hộ tạo điều kiện nguồn việc làm từ Tổng Công ty.

- Trong năm 2016 công ty cần tập trung chủ động trong tìm kiếm việc làm cho doanh nghiệp, đảm bảo người lao động đủ việc làm.

- Tham gia đấu thầu các dự án có vốn nước ngoài (ODA, WB, JICA, ADB), dự án trái phiếu Chính Phủ, ngân sách Nhà nước được ưu tiên cấp vốn, nâng cao chất lượng công tác đấu thầu.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi với cá nhân và tập thể tham gia tìm kiếm việc làm.

3.4. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất

- Không ngừng kiện toàn, đổi mới và sắp xếp bộ máy cán bộ điều hành từ công ty đến cấp đội, công trường;

- Không ngừng đổi mới, cải tiến công tác quản lý điều hành sản xuất. Tăng cường công tác quản lý nâng cao hiệu quả trong SXKD. Đặc biệt tập trung chỉ đạo thực hiện công tác khoán cấp đội, thực hiện khoán đến người lao động.

- Cán bộ các phòng, ban cần đổi mới tư duy, chủ động sáng tạo, bám sát hiện trường để nắm bắt công việc, đặc biệt là công tác chất lượng, dự toán, công tác quản lý cơ sở,

- Nâng cao tính sáng tạo chủ động của cấp đội trong điều hành sản xuất trên các công trường. Chủ động giải quyết tháo gỡ những vướng mắc: Giải quyết nguồn vật liệu, thiết bị máy móc hư hỏng, thuê mướn thiết bị, quan hệ với các đối tác liên quan ...

- Tập trung giải quyết dứt điểm công tác điều chỉnh, bù giá dự toán các gói thầu, thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành. Khẩn trương nghiệm thu thanh toán các khối lượng hoàn thành nhằm nhanh chóng thu hồi vốn.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình khu vực Phía Nam. Điều hành, quản lý vật tư, thiết bị hiệu quả để nâng cao hiệu quả sản xuất.

3.5. Công tác khoán cấp đội

Đây là nội dung cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt ngay từ đầu năm, nhằm tăng cường công tác quản lý, phát huy tính chủ động sáng tạo của cấp đội nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty. Cụ thể:

- Bổ sung hoàn thiện quy chế khoán, các quy trình liên quan phù hợp phục vụ công tác khoán quản.

- Đổi mới cách giao khoán đảm bảo triển khai nhanh, thiết thực và hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch khoán cụ thể cho tất cả các công trình và có sự chỉ đạo quyết liệt.

- Các đội, công trình sản xuất tham gia góp ý, hoàn thiện định mức khoán cho phù hợp với thực tế thi công, hao phí thi công trên công trường.

3.6. Công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng công trình

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng, vai trò chỉ đạo, điều hành kiểm soát thi công tại các công trường của phòng kỹ thuật, các kỹ thuật viên cấp đội, có thể thi kiểm tra nghiệp vụ quy trình quản lý kỹ thuật thi công đối với cán bộ kỹ thuật từ cấp đội đến văn phòng. Thực hiện tốt chức năng điều hành, chỉ đạo, kiểm tra giám sát, kịp thời xử lý mọi sự cố xảy ra trong quá trình thi công, tham mưu đẩy nhanh tiến độ, giám sát chất lượng.

- Nâng cao chất lượng thiết kế BVTC, biện pháp TCTC nội bộ, công tác thí nghiệm, làm hồ sơ hoàn công. Kiên quyết kỷ luật đối với cá nhân, tập thể thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình gây thiệt hại cho Công ty.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của ban điều hành. Ban điều hành phải là mắt xích quan trọng trong việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chất lượng thi công, quản lý vật tư, quản lý chi phí.

3.7. Công tác quản lý thiết bị, vật tư

- Tăng cường khâu quản lý, khai thác có hiệu quả thiết bị nhất là các thiết bị đặc chủng.

- Điều độ thiết bị hợp lý, khai thác hiệu quả.

- Sửa đổi bổ sung quy chế quản lý thiết bị phù hợp với quy mô đầu tư và thiết bị mới.

- Quản lý tốt các vật tư đặc chủng, thiết bị nhỏ lẻ, cần có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ.

- Tăng cường công tác quản lý vật tư vật liệu các công trình về giá cả, khối lượng. Cần chú trọng trong quản lý ca xe máy hoạt động, sử dụng nhiên liệu.

- Nâng cao năng lực lập kế hoạch thi công, kế hoạch sử dụng thiết bị, vật tư trước khi thi công để sử dụng hợp lý, hiệu quả nguyên vật liệu và máy móc thiết bị.

3.8. Công tác tài chính

- Thực hiện quy trình thanh toán, vay và hoàn chứng từ theo quy định về quy chế tài chính của Công ty cũng như chuẩn mực kế toán đã quy định, có các biện pháp chế tài cụ thể như trừ lương, phê bình hoặc cảnh cáo đối với các trường hợp cố tình làm trái với các quy định của Công ty;

- Kết hợp chặt chẽ với các phòng ban nghiệp vụ và đội thi công để có các biện pháp thu hồi công nợ của các khách hàng một cách hiệu quả nhất.

- Hướng dẫn thống kê đội nâng cao công tác nghiệp vụ và theo dõi chi phí công trình một cách khoa học và phù hợp với đặc thù kinh doanh của Công ty.

3.9. Công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường

- Nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm về công tác ATLĐ và vệ sinh môi trường cho mọi cán bộ CNV toàn công ty.

- Ban ATLĐ tăng cường công tác tập huấn, kiểm tra, xử lý việc thực hiện ATLĐ-VSMT và chăm lo đời sống người lao động tại công trường. Kiên quyết xử lý những cá nhân, tập thể không nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Công ty CP 482 có bề dày lịch sử hoạt động, là đơn vị có đủ sức mạnh nội lực về nguồn nhân lực, tài chính và đã chọn đúng chiến lược kinh doanh trong quá trình hoạt động.

- Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu suốt hơn 3 năm qua, nhưng công ty vẫn có thể đứng vững và vượt qua được cơn bão suy thoái, công ty vẫn hoàn thành được các chỉ tiêu được giao, điều đó chứng minh sự vững vàng trong hoạch định chiến lược và đội ngũ CBCNV đều tay, triển khai Kế hoạch SXKD một cách tốt nhất.

- Tập thể HĐQT, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty CP 482 là một khối đoàn kết thống nhất từ ý chí đến hành động, tất cả đều chung tay xây dựng công ty phát triển vững mạnh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Đối với Ban giám đốc Công ty, HĐQT tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của từng cá nhân, cụ thể Ban giám đốc đã:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.

- Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Trong đó điều quan trọng nhất là Ban GD đã xây dựng được đội ngũ CBQL cấp trung và đội ngũ nhân sự giỏi nghề, đáp ứng yêu cầu công việc.

- Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của công ty cho HĐQT theo định kỳ và bất kỳ khi nào cần thiết.

- Công khai minh bạch thông tin, kịp thời, chính xác.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

+ Phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý cho các UVHĐQT đề cao tinh thần trách nhiệm và tính chủ động trong công việc, nâng cao hiệu quả quản lý.

+ Phối hợp chặt chẽ HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát giữ vững đoàn kết nội bộ. Chỉ đạo kiên quyết, linh hoạt và tạo điều kiện tối đa để Ban giám đốc phát huy vai trò trong điều hành.

+ Kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành từ công ty đến cấp đội, ổn định sản xuất hiệu quả. Tập trung nâng cao hiệu quả tại các bộ phận có sự đầu tư lớn nhằm đưa lại hiệu quả tối đa cho công ty.

+ Chỉ đạo thực hiện tốt công tác khoán và quyết toán cấp đội.

+ Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát tăng cường công tác kiểm soát, kiểm tra nội bộ để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các sai phạm.

+ Kết hợp linh hoạt, hài hoà nội lực trong công ty và các nguồn lực bên ngoài để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đưa lại hiệu quả

+ Có chiến lược, cơ chế thu hút, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng bổ sung cho nguồn cán bộ của công ty đáp ứng nhu cầu công việc và sự phát triển ổn định của công ty.

+ Chủ động trong tìm kiếm việc làm cho doanh nghiệp, người lao động đủ việc làm. Tham gia thị trường chứng khoán đúng hướng và khai thác có hiệu quả.

+ Tuyên truyền đi sâu vào nhận thức, ý thức trách nhiệm của CBCNV đối với tập thể, tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo giữ vững kỷ luật từ cán bộ quản lý cấp công ty đến người công nhân tại các đội sản xuất.

+ Tuyên truyền, học tập và thực hiện nghiêm túc công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường, không để xảy ra vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

* Ông: **Nguyễn Trọng Cẩm - Chủ tịch HĐQT**

- Số cổ phần nắm giữ: 333.300 cổ phần, chiếm 6,67% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 333.300 cổ phần

- Người có liên quan:

+ Con ruột: **Nguyễn Mạnh Cường**

+ Số cổ phần đang nắm giữ: 13.500 cổ phần

* Ông: **Trần Văn Long** – UV HĐQT, Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 300.000 cổ phần, chiếm 6,0% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 300.000 cổ phần

Người có liên quan:

+ Vợ: **Nguyễn Thị Lương**

+ Số cổ phần nắm giữ: 1.458 cổ phần

* Ông: **Đặng Văn Khoa** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 65.100 cổ phần, chiếm 2,20% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 65.100 cổ phần

- Người có liên quan:

+ Vợ: **Phạm Thị Huyền Thương**

+ Số cổ phần đang nắm giữ: 1.000 cổ phần

* Ông: **Hoàng Quyết Chiến** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 683.162 cổ phần, chiếm 13,66% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 183.162 cổ phần

* Ông: **Lại Văn Hữu** - UV HĐQT, Trưởng phòng nhân chính

- Số cổ phần nắm giữ: 63.800 cổ phần, chiếm 1,28% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 63.800 cổ phần

- Người có liên quan:

+ Em ruột: Ông **Lại Ngọc Thủy**

+ Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 18.100 cổ phần

- b) Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Thư ký công ty.
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:
- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị: 11 buổi
 - Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị:
 - + Kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2015, giải pháp thực hiện;
 - + Công tác đầu tư thiết bị;
 - + Công tác tổ chức và nhân sự;
 - + Đơn giá tiền lương 2015;
 - + Công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 và nhiệm kỳ 2015 - 2020;
 - + Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ 2015 - 2020;
 - + Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT và Thư ký công ty;
 - + Triển khai công tác phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - + Ủy quyền thực hiện vay nợ và các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh Công ty tại Ngân hàng thương mại;
 - + Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015;
 - + Thông qua việc sửa đổi và bổ sung nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;
 - + Công tác chuyển nhượng quyền đầu tư nhà chung cư B82;
 - + Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành và bổ nhiệm Giám đốc điều hành mới;
 - + Góp vốn thành lập công ty con thuộc hệ thống Công ty cổ phần 482 tại khu vực phía Nam;
 - + Một số công tác khác.
- d) Hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và cập nhật các thông tin cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
 - Soạn thảo văn bản, Nghị quyết của HĐQT;
 - Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

* Ông: **Dương Lê Tĩnh** - Trưởng Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ: 14.900 cổ phần, chiếm 0,30% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 14.900 cổ phần

- Người có liên quan:

+ Vợ: Bà **Nguyễn Thị Thủy**

+ Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 2.363 cổ phần

* Bà: **Phan Thị Huệ** - Ủy viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ: 601.000 cổ phần, chiếm 12,02% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 601.000 cổ phần

* Ông: **Phạm Thế Anh** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 3.350 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 2.350 cổ phần

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp có nội dung chủ yếu:

- Phân công nhiệm vụ của BKS;
- Triển khai nhiệm vụ năm 2015;
- Hợp xử lý số liệu liên quan đến bàn giao Giám đốc.
- Thẩm định báo cáo Tài chính 6 tháng và năm 2015 của công ty;
- Giám sát việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý khác theo qui định tại điều lệ Công ty, và qui định của Pháp luật.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và BKS:*

a) *Các khoản thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Giám đốc và BKS:*

Đã tạm chi trả thù lao HĐQT (5 người) và BKS (3 người) với số tiền 138.240.000 đồng.

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (trước khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty):*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Trọng Cẩm	Chủ tịch HĐQT	30.604	1%	225.304	7,51%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
2	Lê Hòa Nguyễn	UV HĐQT	54.908	1,83%	254.908	8,5%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
3	Đặng Văn Khoa	UV HĐQT – Phó giám đốc	15.100	0,5%	65.100	2,17%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
4	Hoàng Quyết Chiến	UV HĐQT – Phó giám đốc	6.046	0,2%	336.046	11,2%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
5	Lại Văn Hữu	UV HĐQT	15.021	0,5%	45.021	1,5%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
6	Cao Hoài Thanh	Phó giám đốc	15.382	0,51%	45.382	1,51%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
7	Phan Thị Huệ	TV Ban kiểm soát	500	0,02%	300.500	10,02%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
8	Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 4-CTCP	Người có liên quan đến Chủ tịch HĐQT, Giám đốc công ty	1.527.000	50,9%	0	0%	Thoái vốn của Tổng công ty XDCTGT 4 – CTCP tại Công ty CP 482

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không.

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Công ty tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. *Ý kiến kiểm toán:*

Theo báo cáo kiểm toán số Số: 1067/2016/BC.TC-AASC.KT3 ngày 06 tháng 04 năm 2016 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC: "Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 482 tại ngày 31 tháng

12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		495.502.475.837	433.265.239.401
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.390.378.662	18.427.737.066
111	1. Tiền		8.780.378.662	13.394.737.066
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.610.000.000	5.033.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.000.000.000	2.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		166.080.709.633	120.941.898.763
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	96.347.304.081	72.457.568.803
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	24.535.809.817	11.253.186.733
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	7.008.000.000	7.008.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	39.537.017.680	31.570.565.172
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.347.421.945)	(1.347.421.945)
140	IV. Hàng tồn kho	10	312.031.387.542	291.895.603.572
141	1. Hàng tồn kho		312.031.387.542	291.895.603.572
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		61.247.043.966	58.987.918.666
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.935.898.000	1.935.898.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1.935.898.000	1.935.898.000
220	II. Tài sản cố định		58.561.652.468	55.571.121.321
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	58.525.645.524	55.519.176.877
222	- Nguyên giá		149.681.947.934	140.229.806.206
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(91.156.302.410)	(84.710.629.329)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	36.006.944	51.944.444
228	- Nguyên giá		85.000.000	85.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.993.056)	(33.055.556)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		749.493.498	1.480.899.345
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	749.493.498	1.480.899.345
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		556.749.519.803	492.253.158.067

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		515.628.120.180	447.851.976.676
310	I. Nợ ngắn hạn		505.812.199.931	437.670.326.450
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	150.093.543.217	199.136.674.102
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	110.403.588.009	62.053.074.716
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.855.659.961	3.184.888.556
314	4. Phải trả người lao động		10.677.934.579	5.619.147.789
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	10.817.105.707	544.520.213
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	75.158.029.537	41.849.072.695
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	141.806.338.921	125.282.948.379
330	II. Nợ dài hạn		9.815.920.249	10.181.650.226
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	972.508.206	965.036.139
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	8.646.976.545	9.035.728.589
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	196.435.498	180.885.498
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.121.399.623	44.401.181.391
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	41.121.399.623	44.401.181.391
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		30.000.000.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.016.189.000	4.016.189.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.483.811.000	6.483.811.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		621.399.623	3.901.181.391
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		-	617.201.257
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		621.399.623	3.283.980.134
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		556.749.519.803	492.253.158.067

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	446.000.690.704	719.321.790.143
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		446.000.690.704	719.321.790.143
11	4. Giá vốn hàng bán	23	409.285.660.675	676.312.001.658
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.715.030.029	43.009.788.485
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	383.691.181	518.559.292
22	7. Chi phí tài chính	25	19.493.745.768	17.432.825.483
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		19.493.745.768	17.403.614.069
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.493.123.404	20.697.120.544
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.111.852.038	5.398.401.750
31	11. Thu nhập khác	27	845.538.754	932.474.153
32	12. Chi phí khác	28	786.871.381	1.899.720.120
40	13. Lợi nhuận khác		58.667.373	(967.245.967)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.170.519.411	4.431.155.783
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	549.109.788	1.147.175.649
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		621.409.623	3.283.980.134

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

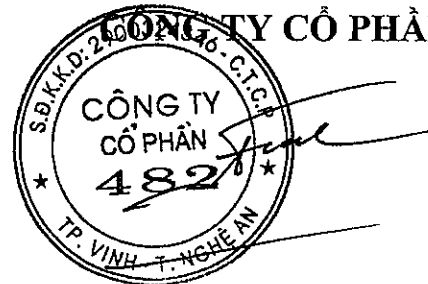
Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		515.449.041.212	811.710.566.345
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(440.850.231.698)	(772.510.645.698)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(61.544.614.261)	(85.386.138.400)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(15.946.844.498)	(17.335.364.463)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.356.380.954)	(2.222.680.548)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.411.955.900	65.009.665.934
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(388.482.696)	(35.200.399.241)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(1.225.556.995)</i>	<i>(35.934.996.071)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.348.312.905)	(17.993.154.724)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.018.181.817	321.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		383.691.181	587.086.309
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(14.946.439.907)</i>	<i>(17.085.068.415)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		211.298.617.743	285.681.856.979
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(195.163.979.245)	(224.860.793.903)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.000.000.000)	(4.200.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>13.134.638.498</i>	<i>56.621.063.076</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(3.037.358.404)</i>	<i>3.600.998.590</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.427.737.066	14.826.738.476
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>15.390.378.662</u>	<u>18.427.737.066</u>

Toàn văn báo cáo tài chính được kiểm toán Công ty đăng tải trên Website của Công ty theo địa chỉ: <http://www.Congty482.com.vn>

Vinh, ngày 14 tháng 4 năm 2016



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Trọng Cẩm